

KINH TẾ TUẦN HOÀN: ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

TS. Lê Nguyễn Diệu Anh*

Kinh tế tuần hoàn đang trở thành một xu hướng phát triển tất yếu trong bối cảnh Việt Nam đối mặt với thách thức về tài nguyên, môi trường và yêu cầu chuyển đổi xanh. Bài báo phân tích thực trạng và chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam. Từ đó, bài báo đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới, bao gồm hoàn thiện thể chế, hỗ trợ tài chính - công nghệ, nâng cao năng lực nhân lực và tăng cường hợp tác quốc tế.

• Từ khóa: kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, Việt Nam.

The circular economy is becoming an inevitable development trend as Vietnam faces challenges related to resources, the environment, and the demand for green transformation. This article analyzes the current situation and policies for developing a circular economy aimed at sustainable development in Vietnam. Based on this analysis, the article proposes several policy implications to promote the circular economy toward sustainable development in the coming period, including institutional improvement, financial and technological support, human resource capacity building, and enhanced international cooperation.

• Key words: circular economy; sustainable development; Vietnam.

Ngày nhận bài: 05/6/2025

Ngày gửi phản biện: 11/6/2025

Ngày duyệt đăng: 28/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i299.08>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và áp lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ngày càng gia tăng, Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và hiệu quả hơn. KTTH không chỉ góp phần giảm thiểu ô nhiễm và khai thác tài nguyên sơ cấp, mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo ra các ngành kinh tế mới như tái chế, sửa chữa, thiết kế sinh thái. Đồng thời, KTTH đóng vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thực tiễn triển khai KTTH tại Việt Nam đã có những bước tiến đáng ghi nhận. Một số ngành như

nông nghiệp, thủy sản, dệt may và sản xuất bao bì đã bắt đầu áp dụng các mô hình tuần hoàn như tái chế phụ phẩm, sử dụng năng lượng tái tạo và thiết kế sản phẩm thân thiện môi trường. Chính phủ cũng đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Quyết định số 687/QĐ-TTg năm 2022 về phát triển KTTH, và Luật Bảo vệ môi trường 2020 với các quy định cụ thể về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn gặp nhiều thách thức như thiếu hành lang pháp lý đồng bộ, công nghệ xử lý chất thải còn hạn chế, nhận thức cộng đồng chưa cao và thiếu liên kết giữa các bên liên quan.

Do đó, việc nghiên cứu và đánh giá thực tiễn triển khai KTTH tại Việt Nam không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn mang tính thực tiễn cao, góp phần đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở lý luận

a. Kinh tế tuần hoàn

Khái niệm “kinh tế tuần hoàn” lần đầu tiên được giới thiệu bởi Pearce và Turner vào năm 1990, như một phản biện đối với mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống vốn dựa trên chuỗi giá trị “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ” (Pearce & Turner, 1990). Thay vào đó, KTTH đề xuất một hệ thống sản xuất và tiêu dùng khép kín, trong đó đầu ra của một quá trình trở thành đầu vào cho quá trình khác, nhằm tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài nguyên và giảm thiểu chất thải. KTTH được định nghĩa rộng rãi là một mô hình kinh tế có khả năng tái tạo và phục hồi, được thiết kế có chủ đích để duy trì giá trị của vật liệu, sản phẩm và năng lượng trong chuỗi cung ứng càng lâu càng tốt (Ellen MacArthur Foundation, 2012).

Theo Ghisellini et al. (2016), KTTH không chỉ là một mô hình kinh doanh mới mà còn là một chiến lược phát triển bền vững, tích hợp các yếu tố kinh tế, xã hội

* Trường Đại học Thương mại; email: dieuanh.ln@tmu.edu.vn

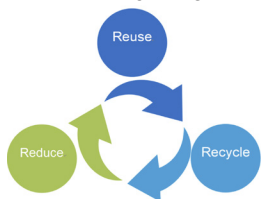
và môi trường trong quá trình sản xuất và tiêu dùng. Tại Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã chính thức công nhận KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ được tổ chức nhằm giảm khai thác nguyên liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Về mặt nguyên tắc, KTTH dựa trên ba trụ cột chính: (1) bảo tồn và nâng cao giá trị tài nguyên thông qua quản lý hiệu quả nguồn lực hữu hạn và cân bằng các dòng tài nguyên tái tạo; (2) tối ưu hóa chu trình sử dụng vật liệu bằng cách tái chế, tái sử dụng và phục hồi các thành phần sản phẩm trong cả vòng đời kỹ thuật lẫn sinh học; và (3) nâng cao hiệu quả hệ thống bằng cách nhận diện và loại bỏ các yếu tố gây thất thoát giá trị hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và xã hội.

b. Các mô hình kinh tế tuần hoàn

Các mô hình kinh tế tuần hoàn như 3R, 6R, 10R và 11R là những khung lý thuyết phát triển nhằm thúc đẩy việc sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm thiểu chất thải và bảo vệ môi trường.

Hình 1: Mô hình 3R



Hình 2: Mô hình 6R



Hình 3: Mô hình 10R



Nguồn: Vũ Huy Hùng (2021)

Mô hình 3R (Reduce - Reuse - Recycle) là nền tảng cơ bản, nhấn mạnh việc giảm thiểu tiêu dùng, tái sử dụng và tái chế. Từ đó, các mô hình mở rộng như 6R bổ sung thêm Refuse (từ chối), Repair (sửa chữa) và Rethink (suy nghĩ lại), nhằm thay đổi hành vi tiêu dùng và kéo dài vòng đời sản phẩm. Mô hình 10R và 11R tiếp tục mở rộng với các nguyên tắc như Refurbish (tân trang), Remanufacture (tái sản xuất), Repurpose (chuyển đổi mục đích sử dụng), Recover (thu hồi năng lượng), và Re-mine (tái khai thác tài nguyên từ chất thải), tạo nên một hệ sinh thái kinh tế khép kín, hướng đến phát triển bền vững và giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường.

c. Mối quan hệ kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững

KTTH thường được gắn với phát triển bền vững, có ý nghĩa quan trọng đối với quản lý môi trường, giúp các doanh nghiệp tiết kiệm năng lượng, tiền bạc và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững và KTTH mang lại những lợi ích ở cấp độ toàn cầu gồm: Tối ưu hóa nguyên vật liệu; nguồn thu nhập mới và sáng tạo; nâng cao mối quan hệ giữa các bên liên quan và uy tín thương hiệu; giảm thiểu rủi ro. Khác với mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống vốn dựa trên nguyên lý “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ”, KTTH hướng đến việc tối ưu hóa vòng đời sản phẩm, giảm thiểu chất thải và tái sử dụng tài nguyên. Theo Nhĩ Anh (2023), việc triển khai KTTH không chỉ giúp nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh mà còn góp phần thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường, trung hòa carbon và bảo tồn đa dạng sinh học.

Đồng thời, nghiên cứu của Phạm Tuyên (2025) cũng khẳng định rằng KTTH có mối liên hệ mật thiết với quá trình chuyển đổi xanh, đóng vai trò là nền tảng thúc đẩy sản xuất bền vững và nâng cao nhận thức cộng đồng về tiêu dùng có trách nhiệm. Như vậy, KTTH không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là giải pháp chiến lược để đạt được phát triển bền vững toàn diện.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, phương pháp nghiên cứu định tính đã được sử dụng nhằm khảo sát thực trạng KTTH tại Việt Nam. Nghiên cứu dựa trên các nguồn dữ liệu thứ cấp nhằm đảm bảo chất lượng và độ tin cậy của kết quả. Các bộ dữ liệu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Sau khi thu thập đầy đủ dữ liệu và thông tin, tác giả đã tiến hành phân tích kỹ lưỡng để đánh giá thực trạng triển khai KTTH tại Việt Nam, đặc biệt là trong mối liên hệ với các mục tiêu phát triển bền vững, từ đó đưa ra các khuyến nghị chính sách phù hợp.

4. Thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

4.1 Chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

Việt Nam đang từng bước xây dựng và triển khai các chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Một số các chính sách về phát triển kinh tế tuần hoàn nổi bật như:

Bảng 1: Một số các chính sách về phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

Văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
Quyết định 1419/QĐ-TTg	07/09/2009	Phê duyệt Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020. Định hướng thúc đẩy sản xuất tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao hiệu quả môi trường
Quyết định 76/QĐ-TTg	11/01/2016	Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Lồng ghép KTTH vào tiêu dùng và sản xuất
Quyết định 889/QĐ-TTg	24/06/2020	Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030. KTTH được xác định là xu hướng tất yếu trong phát triển bền vững

Văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
Quyết định 687/QĐ-TTg	07/06/2022	Phê duyệt Đề án Phát triển Kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. KTTH là một trong các công cụ thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh
Quyết định 1362/QĐ-TTg	11/10/2019	Phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững khu vực doanh nghiệp tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030. Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình KTTH
222/QĐ-TTg	23/01/2025	Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH đến năm 2035. Định hướng tổng thể về KTTH, gồm mục tiêu, giải pháp, cơ chế thử nghiệm chính sách

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ngoài ra, sáu chính sách thi điểm không chỉ tạo hành lang pháp lý linh hoạt cho doanh nghiệp thử nghiệm mô hình KTTH, mà còn giúp Việt Nam từng bước xây dựng nền kinh tế xanh, giảm phát thải và tối ưu hóa tài nguyên.

Thứ nhất, chính sách áp dụng mô hình KTTH tại các khu công nghiệp và khu kinh tế nhằm xây dựng hệ sinh thái sản xuất khép kín, nơi các doanh nghiệp có thể chia sẻ tài nguyên, tái sử dụng phụ phẩm và giảm thiểu chất thải. *Ví dụ:* Khu công nghiệp Hòa Khánh (Đà Nẵng) và Trà Nóc (Cần Thơ) đã thử nghiệm mô hình chia sẻ nước thải, nhiệt thừa và nguyên liệu phụ phẩm giữa các nhà máy.

Thứ hai, chính sách phân loại xanh (green taxonomy) được triển khai nhằm phân loại các hoạt động kinh tế theo mức độ thân thiện với môi trường, làm cơ sở cho việc cấp vốn, ưu đãi thuế và giám sát hiệu quả. *Ví dụ:* Ngân hàng Nhà nước đang phối hợp với Bộ TN&MT xây dựng khung phân loại xanh để hướng dẫn cấp tín dụng xanh cho các dự án tuần hoàn.

Thứ ba, chính sách giới thiệu và chuyển giao công nghệ tuần hoàn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các giải pháp công nghệ mới như tái chế, xử lý chất thải và thiết kế sản phẩm bền vững. *Ví dụ:* Đại học Nha Trang chuyển giao công nghệ xử lý vỏ tôm thành sản phẩm sinh học và y tế; Vinamilk ứng dụng công nghệ biogas để xử lý chất thải chăn nuôi.

Thứ tư, chính sách tín dụng xanh và trái phiếu xanh tạo điều kiện thuận lợi về tài chính cho các dự án KTTH thông qua các khoản vay ưu đãi và công cụ tài chính bền vững. *Ví dụ:* Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam hỗ trợ vay lãi suất 2.6-3.6%/năm, tối đa 70% vốn đầu tư cho dự án tái chế nhựa tại miền Nam.

Thứ năm, chính sách phát triển nguồn nhân lực KTTH tập trung vào đào tạo chuyên môn, xây dựng chương trình giảng dạy và nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ và doanh nghiệp. *Ví dụ:* Bộ TN&MT phối hợp với các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo về quản lý chất thải, thiết kế sản phẩm tuần hoàn, và kinh tế xanh.

Thứ sáu, chính sách đất đai hỗ trợ doanh nghiệp KTTH hướng đến việc ưu tiên cấp đất, miễn giảm tiền thuê đất cho các dự án tuần hoàn, đặc biệt trong lĩnh

vực tái chế và xử lý chất thải. *Ví dụ:* Một số địa phương như Ninh Bình, Quảng Nam đang đề xuất quy hoạch khu đất riêng cho doanh nghiệp tái chế và xử lý chất thải tuần hoàn

4.2 Một số mô hình kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

4.2.1. Mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Một trong những mô hình KTTH tiêu biểu trong nông nghiệp là hệ thống “Vườn - Ao - Chuồng” (VAC), được triển khai rộng rãi tại khu vực miền Bắc từ những năm 1980. Mô hình này tích hợp các hoạt động trồng trọt, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi trong một chu trình khép kín, tận dụng tối đa tài nguyên nội sinh như đất, nước, ánh sáng và chất thải hữu cơ. Gần đây, các nghiên cứu đã đề xuất nâng cấp mô hình VAC theo hướng nông nghiệp tuần hoàn hiện đại, kết hợp công nghệ sinh học và quản lý thông minh.

4.2.2. Mô hình kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Trong lĩnh vực công nghiệp, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 14001 (hệ thống quản lý môi trường), ISO 50001 (quản lý năng lượng) và LEED (thiết kế xanh) nhằm cải thiện hiệu suất sản xuất và giảm phát thải. Đặc biệt, các khu công nghiệp sinh thái tại Hải Phòng, Ninh Bình, Đà Nẵng và Cần Thơ đã triển khai mô hình KTTH với sự tham gia của 72 doanh nghiệp, giúp tiết kiệm khoảng 6,5 triệu USD mỗi năm thông qua chia sẻ nguyên liệu, năng lượng và nước.

Một ví dụ điển hình là Vinamilk, doanh nghiệp sở hữu hệ thống xử lý biogas tại các trang trại chăn nuôi, tái sử dụng chất thải để phục vụ các hoạt động như tiết trùng sữa, sấy cỏ và sản xuất phân bón hữu cơ. Mô hình này không chỉ giảm chi phí vận hành mà còn tạo ra chuỗi giá trị liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân, thúc đẩy thực hành sản xuất có trách nhiệm với môi trường (Vinamilk, 2022).

4.2.3. Mô hình kinh tế tuần hoàn trong quản lý chất thải

Trong lĩnh vực xử lý chất thải, nhiều doanh nghiệp đã tích cực tích hợp nguyên lý KTTH vào quy trình sản xuất. Nhiều công ty đã áp dụng các chiến lược đa dạng để tích hợp nguyên lý KTTH vào quy trình sản xuất, bao gồm việc tái sử dụng chất thải phát sinh trong sản xuất làm nguyên liệu đầu vào, góp phần thúc đẩy mô hình KTTH. Heineken Việt Nam là một ví dụ tiêu biểu, với hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn vượt mức quy định, đảm bảo an toàn sinh thái. Ngoài ra, công ty còn triển khai chương trình hỗ trợ cộng đồng tại Lai Châu, cung cấp thiết bị thu gom chất thải và đào tạo người dân về quản lý chất thải nông nghiệp, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực cộng đồng trong bảo vệ môi trường (Heineken Việt Nam, 2020).

4.2.4. Mô hình kinh tế tuần hoàn trong tiêu dùng và tái chế

Xu hướng tiêu dùng xanh đang ngày càng phổ biến tại Việt Nam, với sự gia tăng sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường như ống hút cỏ, túi sinh học, thiết kế nhà tiết kiệm năng lượng. Theo khảo sát của Nielsen, có đến 86% người tiêu dùng Việt Nam sẵn sàng chi trả cao hơn cho sản phẩm đến từ thương hiệu có cam kết xã hội và môi trường rõ ràng.

Bên cạnh đó, các làng nghề tái chế như Trung Văn (Hà Nội) và Bình Yên (Nam Định) đã phát triển mạnh mẽ, với hơn 90 làng nghề trên cả nước tham gia vào hoạt động tái chế nhựa, nhôm và chất thải sinh hoạt. Sự gia tăng số lượng làng nghề tái chế là tín hiệu tích cực cho thấy Việt Nam đang đi đúng hướng trong việc giảm phát sinh chất thải. Tuy nhiên, quy trình công nghệ tại các làng nghề này còn lạc hậu, cần được nâng cấp để giảm thiểu thất thoát năng lượng và nguyên liệu.

4.2.5. Mô hình KTTH trong ngành tái chế nhựa

Ngành tái chế nhựa tại Việt Nam đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể, đặc biệt tại khu vực miền Nam - nơi có tỷ lệ thu gom rác thải nhựa cao nhất cả nước. Theo Expert Market Research (2022), sản lượng nhựa tái chế đạt khoảng 236.472,3 tấn. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các chính sách hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp tái chế, bao gồm các khoản vay ưu đãi từ 2,6% đến 3,6%/năm, với tỷ lệ cho vay tối đa lên tới 70% tổng vốn đầu tư từ Quỹ Bảo vệ Môi trường.

Ngoài ra, nhiều mô hình tái chế đã xuất hiện, trong đó có hình thức trao đổi phế liệu giữa các nhóm doanh nghiệp để phục vụ sản xuất. Những mô hình KTTH được triển khai và mang lại kết quả đáng kể có thể kể đến như: mô hình khu công nghiệp sinh thái tại Ninh Bình, Đà Nẵng và Cần Thơ; sáng kiến của Đại học Nha Trang trong xử lý phụ phẩm thủy sản (như vỏ và đầu tôm) để tạo ra sản phẩm sinh học, y tế và nông nghiệp có giá trị; chương trình của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhằm ngăn chặn chất thải xả ra môi trường; và sáng kiến tái chế nắp chai bia Tiger thành sắt để xây cầu tại Tiền Giang.

5. Thách thức đối với phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam

Mặc dù KTTH được xác định là hướng đi chiến lược nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững, quá trình triển khai tại Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức đáng kể.

Một là, hệ thống thể chế và chính sách còn thiếu đồng bộ, chưa có khung pháp lý cụ thể và nhất quán để điều phối các hoạt động tuần hoàn giữa các ngành và địa phương.

Hai là, nguồn lực tài chính cho các dự án KTTH còn hạn chế, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ

và vừa - đối tượng chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế quốc gia.

Ba là, về mặt công nghệ, phần lớn các doanh nghiệp vẫn sử dụng dây chuyền sản xuất truyền thống, thiếu công nghệ tái chế hiện đại và giải pháp kỹ thuật số để theo dõi vòng đời sản phẩm.

Bốn là, nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về KTTH còn thấp, dẫn đến tâm lý ngại thay đổi mô hình kinh doanh hoặc đầu tư vào các giải pháp xanh.

Năm là, sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực môi trường và kinh tế xanh cũng là một rào cản lớn, ảnh hưởng đến khả năng triển khai các mô hình KTTH một cách hiệu quả và bền vững.

6. Kết luận và hàm ý chính sách

KTTH đang từng bước khẳng định vai trò chiến lược trong tiến trình phát triển bền vững của Việt Nam. Tuy nhiên, để KTTH thực sự phát huy hiệu quả, cần có những định hướng chính sách rõ ràng và đồng bộ.

Thứ nhất, Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý và thể chế, ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, tích hợp KTTH vào các chiến lược phát triển ngành và địa phương.

Thứ hai, cần tăng cường đầu tư tài chính và hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thông qua các ưu đãi thuế, tín dụng xanh và quỹ đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, việc phát triển công nghệ xử lý chất thải, tái chế và thiết kế sinh thái cần được đẩy mạnh, song song với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dòng nguyên liệu thứ cấp.

Thứ tư, nâng cao nhận thức cộng đồng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt để KTTH được triển khai hiệu quả và bền vững.

Thứ năm, Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến và tham gia các sáng kiến toàn cầu về KTTH để nâng cao năng lực thể chế và kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

- Ellen MacArthur Foundation (2012), *Towards the circular economy: Economic and business rationale for an accelerated transition*: http://circularfoundation.org/sites/default/files/tce_report1_2012.pdf.
- Expert Market Research. (n.d.), "Vietnam Recycled Plastics Market Report and Forecast 2023-2028", www.expertmarketresearch.com.
- Ghisellini, P., Cialani, C. & Ulgiati, S. (2016), "A Review on Circular Economy: the Expected Transition to a Balanced Interplay of Environmental and Economic Systems", *Journal of Cleaner Production*, Vol. 114, pp. 11-32.
- Heineken Viet Nam. (2020), "HEINEKEN Việt Nam kiến tạo giá trị bền vững vì một Việt Nam tốt đẹp hơn", <https://heineken-vietnam.com.vn/tin-tuc-su-kien/thong-cao-bao-chi/heineken-viet-nam-ken-tao-gia-tri-ben-vung-vi-mot-viet-nam-tot-dep-hon.html>.
- Nhì Anh (2023), "Kinh tế tuần hoàn: Lời giải cho phát triển bền vững", *VnEconomy* <Kinh tế tuần hoàn: Lời giải cho phát triển bền vững - VnEconomy>
- Pearce, D., & Turner, R. K. (1990). *Economics of natural resources and the environment*. Baltimore: Johns Hopkins University Press.
- Phạm Tuyên (2025), "Phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới chuyển đổi xanh ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Quản lý Nhà nước* <Phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới chuyển đổi xanh ở Việt Nam hiện nay | Tạp chí Quản lý nhà nước>
- Quốc hội: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17-11-2020.
- Vinamilk. (2022), "Vinamilk - Doanh nghiệp thực hiện tốt mô hình kinh tế tuần hoàn, quản lý tốt phát thải khí nhà kính", www.vinamilk.com.vn.
- Vũ Huy Hùng (2021), "Kinh tế tuần hoàn-Mô hình kinh tế chủ đạo của kinh tế thế giới trong thế kỷ 21", *Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương* <https://vvoit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/kinh-te-tuan-hoan-mo-hinh-kinh-te-chu-dao-cua-kinh-te-the-gioi-trong-the-ky-21-4479.4050.html>